| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TB**<br>**TỈNH ĐỒNG THÁP** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 44/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 22-3-2024
V/v tranh chấp L hôn, nuôi con

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TB, TỈNH ĐỒNG THÁP**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Xuân Nữ.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Hoàng Minh;

2. Ông Ngô Văn Khon.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Bích – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 22 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TB xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 422/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp L hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2024/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp N, xã AP, huyện TB, tỉnh Đồng Tháp.

*2. Bị đơn:* Bùi Văn L, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp T, xã TT, huyện TB, tỉnh Đồng Tháp.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

** Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn Nguyễn Thị Mỹ D trình bày:*

*Về hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Mỹ D và anh Bùi Văn L kết hôn năm 2009, có đăng ký kết hôn ngày 08/02/2011. Hôn nhân giữa anh chị được xây dựng trên cơ sở tự tìm hiểu.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân là do anh L không chí thú làm ăn để lo cho con cái, chăm sóc gia đình mà tham gia bài bạc như cá độ đá banh, số đề, vợ chồng thường xuyên cự cãi, từ đó khiến cho tình cảm giữa anh chị trở nên phai nhạt, hôn nhân không còn hạnh phúc. Vào tháng 7 năm 2023 thì chị D cùng 02 con chung về nhà cha mẹ ruột tại ấp N, xã AP, huyện TB, tỉnh Đồng Tháp để sinh sống. Thời gian

sống xa nhau, vợ chồng không có hàn gắn tình cảm.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có ý nghĩa nên chị D yêu cầu L hôn với anh L.

*Về con chung:* Vợ chồng có 02 con chung tên Bùi Thị Kim Ngân, sinh ngày 27/7/2011, Bùi Đức Duy, sinh ngày 03/7/2023. Hiện nay, 02 con chung đang sống với chị D. Sau khi L hôn, chị D yêu cầu nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi 02 con chung với mức cấp dưỡng hàng tháng cho mỗi con chung là ½ tháng lương cơ sở do Nhà nước quy định, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 4/2024 đến khi 02 con chung thành niên và có khả năng lao động.

*Về tài sản chung và nợ chung:* Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Bùi Văn L đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh L không có văn bản ghi ý kiến về việc chị D yêu cầu L hôn, nuôi con, đồng thời đều vắng mặt không có lý do.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ D và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình L hôn, nuôi con. Bị đơn Bùi Văn L có địa chỉ tại TT, huyện TB, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, chị D vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh L vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Hồng và anh Việt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

*Về hôn nhân:* Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Mỹ D và anh Bùi Văn L là hợp pháp, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện TB, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 08/02/2011. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Chị D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và vắng mặt tại phiên tòa, anh L không có mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh không có mặt để trình bày ý kiến.

Hội đồng xét xử xét thấy, chị D và anh L có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không còn hòa hợp trong cuộc sống, anh L không chí thú làm ăn chăm lo cho đời sống gia đình mà lại tham gia vào bài bạc, vợ chồng thường xuyên cự cãi, từ đó khiến cho tình cảm vợ chồng trở nên phai nhạt, tuy đã sống xa nhau thời gian dài nhưng cả hai không hàn gắn tình cảm lại được. Từ đó cho thấy đời sống chung giữa anh chị không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu L hôn của chị D là phù hợp với quy định tại

Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

*Về con chung:* Chị D và anh L có 02 con chung tên Bùi Thị Kim Ngân, sinh ngày 27/7/2011, Bùi Đức Duy, sinh ngày 03/7/2023. Hiện nay, 02 con chung đang sống với chị D, chị D yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng 02 cháu Kim Ngân và Đức Duy, anh L không có văn bản ghi ý kiến và không có mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi anh chị không còn sống chung thì 02 cháu Kim Ngân và Đức Duy sống với chị D, được chị chăm sóc tốt, khỏe mạnh, môi trường sống của 02 cháu đã ổn định, điều này phù hợp với nguyện vọng của Kim Ngân là muốn sống chung với chị D thể hiện tại Văn bản ghi ý kiến ngày 01/02/2024, đối với cháu Đức Duy dưới 36 tháng tuổi. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung nên cần giao 02 cháu Kim Ngân và Đức Duy cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Bùi Thị Kim Ngân và Bùi Đức Duy, phù hợp với khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị D yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi 02 con chung Kim Ngân và Đức Duy cho đến khi thành niên và có khả năng lao động với mức cấp dưỡng hàng tháng cho mỗi con chung là ½ tháng lương cơ sở do Nhà nước quy định, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 4/2024 là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

*Về tài sản chung và nợ chung:* Chị D không yêu cầu giải quyết, anh L không có mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa để trình bày ý kiến, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ D.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ D được L hôn với anh Bùi Văn L.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Bùi Thị Kim Ngân, sinh ngày 27/7/2011, Bùi Đức Duy, sinh ngày 03/7/2023 cho chị Nguyễn Thị Mỹ D trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Bùi Văn L thực hiện cấp dưỡng nuôi con chung Bùi Thị Kim Ngân và Bùi Đức Duy cho đến khi thành niên và có khả năng lao động với mức cấp dưỡng hàng tháng cho mỗi con chung là ½ tháng lương cơ sở theo quy định của nhà nước, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 4/2024.

Chị D và anh L được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000385 ngày 20/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TB, tỉnh Đồng Tháp; như vậy chị D đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- VKSND huyện TB;
- CCTHADS huyện TB;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã TT, H. TB, Đồng Tháp (ĐKKH số: 08/2011, Quyển số: 01/2011, ngày 08/02/2011);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Xuân Nữ**

| THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ | THẨM PHÁN<br>CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ |
| --- | --- |
| **Nguyễn Hoàng Minh – Ngô Văn Khon** | **Trần Xuân Nữ** |